

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 03

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về quản lý chất lượng và chính sách
phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về quản lý chất lượng và các chính sách hỗ trợ, phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal bao gồm: quy định về yêu cầu chất lượng, ghi nhãn, truy xuất nguồn gốc, hoạt động đánh giá sự phù hợp, quản lý việc sử dụng nhãn và chứng nhận Halal, kiểm tra, xử lý vi phạm và chính sách hỗ trợ đối với sản phẩm, dịch vụ Halal.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal để lưu thông trên thị trường Việt Nam hoặc xuất khẩu.

2. Tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận liên quan đến sản phẩm, dịch vụ Halal.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal.

4. Nghị định này không áp dụng đối với các sản phẩm được sản xuất nhằm phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1. Yêu cầu Halal là tập hợp các quy tắc, điều kiện về thành phần, nguyên liệu, quá trình sản xuất, chế biến, bao gói, ghi nhãn, bảo quản và vận chuyển được quy định cụ thể trong các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn nước ngoài về sản phẩm, dịch vụ Halal.

2. Halal là thuật ngữ có nguồn gốc từ tiếng Ả Rập có nghĩa là hợp pháp, được phép dựa trên việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu Halal được quy định trong tiêu chuẩn công bố áp dụng.

3. Sản phẩm Halal là sản phẩm đã được đánh giá và xác nhận đáp ứng đầy đủ các yêu cầu Halal theo tiêu chuẩn công bố áp dụng.

4. Dịch vụ Halal là bất kỳ hoạt động nào liên quan đến các sản phẩm Halal như kinh doanh, vận chuyển, bảo quản, đóng gói, đóng kiện, trưng bày, xử lý và các hoạt động khác có liên quan.

5. Haram là thuật ngữ chỉ các sản phẩm, dịch vụ, thành phần hoặc quy trình bị cấm, không được phép sử dụng theo quy định trong các tiêu chuẩn Halal.

6. Najis là thuật ngữ chỉ các loại tạp chất bị cấm, không tinh khiết mà sản phẩm Halal cần phải tránh bị nhiễm bẩn, được quy định cụ thể trong các tiêu chuẩn Halal.

7. Chứng nhận Halal là hoạt động đánh giá và cấp chứng nhận để xác nhận rằng một sản phẩm, dịch vụ hoặc quy trình sản xuất tuân thủ đầy đủ các yêu cầu Halal được quy định trong tiêu chuẩn công bố áp dụng.

8. Dấu chứng nhận Halal là dấu hiệu được sử dụng để cho biết rằng một sản phẩm, dịch vụ đã được đánh giá và xác nhận là đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn Halal bởi tổ chức có thẩm quyền.

9. Nguyên liệu Halal là các loại nguyên liệu, thành phần, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến được phép sử dụng theo quy định trong tiêu chuẩn công bố áp dụng, không chứa bất kỳ thành phần nào bị xem là Haram hay Najis.

10. Quy trình Halal là toàn bộ các công đoạn từ chuẩn bị nguyên liệu, sản xuất, chế biến, bao gói, ghi nhãn, bảo quản, vận chuyển, bảo quản, trưng bày cho đến khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ tới người tiêu dùng, phải tuân thủ các yêu cầu Halal được quy định trong tiêu chuẩn công bố áp dụng và đảm bảo ngăn ngừa sự tiếp xúc hoặc nhiễm chéo với bất kỳ yếu tố nào không phải Halal.

11. Nhiễm chéo Halal là sự tiếp xúc hoặc trộn lẫn không mong muốn, dù trực tiếp hay gián tiếp, giữa sản phẩm Halal, nguyên liệu Halal, thiết bị, dụng cụ, bề mặt tiếp xúc Halal với các yếu tố Haram, không Halal hoặc Najis, dẫn đến nguy cơ làm mất đi hoặc suy giảm tính Halal của sản phẩm hoặc dịch vụ.

12. Tiêu chuẩn Halal là tiêu chuẩn kỹ thuật quy định các yêu cầu và quy tắc đối với sản phẩm, dịch vụ hoặc các quá trình liên quan đến Halal, được một tổ chức có thẩm quyền công bố bằng văn bản. Tiêu chuẩn Halal bao gồm tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài và tiêu chuẩn cơ sở.

13. Tổ chức chứng nhận Halal là tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện hoạt động chứng nhận Halal, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định tại Nghị định này hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Dịch vụ du lịch Halal là các dịch vụ như lưu trú, ăn uống, lễ hành, vận chuyển và các dịch vụ liên quan khác được thiết kế, cung cấp và được chứng nhận tuân thủ đầy đủ các yêu cầu Halal theo một tiêu chuẩn Halal cụ thể, nhằm đáp ứng nhu cầu của du khách là người Hồi giáo.

Chương II

YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM, DỊCH VỤ HALAL

Điều 4. Nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam, đặc biệt là pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư và các lĩnh vực khác có liên quan, đồng thời tuân thủ các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Đảm bảo tính thống nhất, minh bạch và không phân biệt đối xử trong mọi hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động đánh giá sự phù hợp Halal. Tính thống nhất được thể hiện qua việc áp dụng đồng bộ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình và yêu cầu Halal trên phạm vi toàn quốc. Tính minh bạch được đảm bảo thông qua việc công khai, dễ tiếp cận các thông tin về chính sách, pháp luật, tiêu chuẩn, quy trình chứng nhận, danh sách các tổ chức chứng nhận Halal được công nhận hoặc thừa nhận, và các thông tin liên quan khác.

3. Việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình quản lý Halal của Việt Nam phải được thực hiện trên nguyên tắc hài hòa, ưu tiên tham chiếu và áp dụng các tiêu chuẩn, hướng dẫn và thông lệ quốc tế được thừa nhận rộng rãi về Halal, đặc biệt là các tiêu chuẩn do Tổ chức Hợp tác Hồi giáo (OIC) và Viện Tiêu chuẩn và Đo lường của các quốc gia Hồi giáo (SMIIC) ban hành, các hướng dẫn của Ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế (Codex Alimentarius) có liên quan đến thực phẩm Halal, cũng như các yêu cầu kỹ thuật và quy định của các thị trường xuất khẩu trọng điểm, nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, đặc biệt là người tiêu dùng Hồi giáo, đối với các sản phẩm, dịch vụ Halal; đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ Halal chân chính, tuân thủ pháp luật. Ngăn chặn và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng mang nhãn hiệu Halal, gian lận thương mại, quảng cáo sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn về tính Halal của sản phẩm, dịch vụ.

5. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất, kinh doanh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ Halal; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành Halal Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

6. Quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal được thực hiện trên cơ sở đánh giá rủi ro, trong đó ưu tiên tập trung nguồn lực kiểm soát vào các công đoạn, quy trình, thành phần hoặc yếu tố có nguy cơ cao gây ảnh hưởng đến tính Halal, an toàn và chất lượng của sản phẩm, dịch vụ.

7. Đảm bảo tính nguyên vẹn, tính xác thực và khả năng truy xuất nguồn gốc của sản phẩm Halal trong toàn bộ chuỗi cung ứng, từ khâu lựa chọn, khai thác, nuôi trồng, thu mua nguyên liệu đầu vào, qua các công đoạn sản xuất, chế biến, đóng gói, cho đến khâu vận chuyển, bảo quản, phân phối và cung cấp sản phẩm, dịch vụ đến tay người tiêu dùng cuối cùng.

Điều 5. Tiêu chuẩn sản phẩm, dịch vụ Halal

1. Tiêu chuẩn quốc gia về sản phẩm, dịch vụ Halal được xây dựng, công bố và áp dụng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Quá trình xây dựng, sửa đổi tiêu chuẩn quốc gia về sản phẩm, dịch vụ Halal phải đảm bảo có sự tham gia của đại diện Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các chuyên gia là người Hồi giáo có chuyên môn sâu về các yêu cầu Halal để tham vấn, thẩm định các nội dung liên quan.

2. Tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài:

a) Trường hợp sản xuất để xuất khẩu: Cơ sở sản xuất áp dụng tiêu chuẩn theo yêu cầu, thỏa thuận hoặc hợp đồng với tổ chức, cá nhân nhập khẩu;

b) Trường hợp sản xuất hoặc nhập khẩu để tiêu thụ trong nước: Cơ sở sản xuất hoặc nhập khẩu áp dụng tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc có thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau hoặc tiêu chuẩn quốc tế hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn khu vực của các nước Hồi giáo.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh được khuyến khích xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở đối với sản phẩm, dịch vụ Halal của mình, đặc biệt đối với các sản phẩm, dịch vụ chưa có tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế tương ứng. Tiêu chuẩn cơ sở phải đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc và yêu cầu chung của các tiêu chuẩn Halal quốc tế, khu vực được thừa nhận rộng rãi..

4. Các tiêu chuẩn được áp dụng cho sản phẩm, dịch vụ Halal theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này không được trái với các quy định pháp luật của Việt Nam.

Điều 6. Công bố tiêu chuẩn áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm Halal hoặc cung cấp dịch vụ Halal thực hiện việc tự công bố tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm, dịch vụ của mình trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường Việt Nam. Việc tự công bố phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và các quy định tại Nghị định này.

2. Trường hợp lựa chọn áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, hoặc tiêu chuẩn nước ngoài về Halal, tổ chức, cá nhân phải đảm bảo tiêu chuẩn đó không trái với các quy định của pháp luật Việt Nam về an toàn, chất lượng, ghi nhãn hàng hóa, bảo vệ môi trường và các yêu cầu pháp lý bắt buộc khác. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

a) Lưu giữ bản chính hoặc bản sao hợp lệ của tiêu chuẩn đã công bố áp dụng tại nơi sản xuất, kinh doanh;

b) Cung cấp đầy đủ hồ sơ về tiêu chuẩn áp dụng cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu thanh tra, kiểm tra. Trường hợp tiêu chuẩn gốc không được ban hành bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, tổ chức, cá nhân chỉ phải cung cấp bản dịch tiếng Việt có công chứng hoặc xác nhận hợp pháp khi cơ quan thanh tra, kiểm tra có yêu cầu bằng văn bản.

3. Tổ chức, cá nhân công bố tiêu chuẩn áp dụng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung công bố và phải đảm bảo rằng sản phẩm, dịch vụ Halal của mình luôn đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của tiêu chuẩn đã công bố trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh, cung cấp.

Điều 7. Yêu cầu đối với sản phẩm, dịch vụ Halal

1. Sản phẩm Halal lưu thông trên thị trường Việt Nam phải đảm bảo:

a) Đáp ứng các yêu cầu Halal quy định trong tiêu chuẩn công bố áp dụng theo Điều 6 của Nghị định này và phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

b) Nguyên liệu và phụ gia phải là Halal, không chứa thành phần Haram hoặc Najis; nguyên liệu động vật phải từ nguồn Halal và được giết mổ theo đúng quy trình Halal được quy định trong tiêu chuẩn công bố áp dụng;

c) Quá trình sản xuất, chế biến phải đảm bảo vệ sinh theo các yêu cầu của tiêu chuẩn Halal đã công bố áp dụng và có biện pháp đảm bảo ngăn ngừa nhiễm chéo với các yếu tố không Halal;

d) Bao gói, bảo quản, vận chuyển và trưng bày phải bảo toàn tính Halal của sản phẩm, không sử dụng vật liệu Haram/Najis (cho bao bì trực tiếp) và phải tách biệt để tránh nhiễm chéo hoặc nhầm lẫn;

đ) Tuân thủ pháp luật về nhãn hàng hóa và quy định về sử dụng dấu chứng nhận Halal (nếu có);

e) Lượng hàng hóa đóng gói sẵn phải tuân thủ pháp luật về đo lường.

2. Dịch vụ Halal phải đáp ứng các yêu cầu Halal quy định trong tiêu chuẩn công bố áp dụng theo Điều 6 của Nghị định này và phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

3. Sản phẩm Halal khi xuất khẩu ra thị trường nước ngoài phải tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật của nước nhập khẩu hoặc các yêu cầu trong thỏa thuận, hợp đồng thương mại quốc tế đã ký kết.

Điều 8. Yêu cầu về ghi nhãn và truy xuất nguồn gốc sản phẩm Halal

1. Việc ghi nhãn sản phẩm Halal phải tuân thủ các quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa và phải được ghi rõ cụm từ "SẢN PHẨM HALAL" hoặc từ "HALAL" (bằng chữ Latinh in hoa) trên nhãn hàng hóa đảm bảo rõ ràng, dễ nhận biết, ở vị trí dễ thấy, dễ đọc, không thể tẩy xóa trước khi lưu thông trên thị trường Việt Nam. Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, cụm từ này có thể được ghi bằng tiếng Anh ("HALAL PRODUCT" hoặc "HALAL") hoặc bằng ngôn ngữ chính thức của nước nhập khẩu, nếu được yêu cầu hoặc chấp nhận.

2. Các trường hợp sau đây không bắt buộc phải ghi rõ cụm từ "SẢN PHẨM HALAL" hoặc từ "HALAL" trên nhãn theo quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Sản phẩm đã được tổ chức chứng nhận Halal cấp Giấy chứng nhận và quyền sử dụng Dấu chứng nhận Halal;

b) Nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm để sản xuất, gia công, chế biến không bán trực tiếp cho người tiêu dùng nhưng tình trạng Halal của sản phẩm phải được công bố rõ ràng trong hồ sơ kỹ thuật, tài liệu hoặc hợp đồng thương mại đi kèm.

3. Việc sử dụng dấu chứng nhận Halal của các tổ chức chứng nhận Halal trên nhãn sản phẩm, bao bì sản phẩm hoặc trong tài liệu quảng bá, giới thiệu sản phẩm Halal phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của tổ chức chứng nhận Halal đó.

4. Việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm Halal phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Đối với sản phẩm Halal thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, việc truy xuất nguồn gốc là bắt buộc. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải thực hiện truy xuất nguồn gốc theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Chương III

HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ HALAL

Điều 9. Nguyên tắc hoạt động thử nghiệm sản phẩm Halal

1. Hoạt động thử nghiệm sản phẩm Halal do các tổ chức thử nghiệm được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định

của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp thực hiện, trong đó phạm vi đăng ký hoạt động phải bao gồm các chỉ tiêu thử nghiệm sản phẩm Halal.

2. Hoạt động thử nghiệm sản phẩm Halal phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

a) Đảm bảo tính khách quan, độc lập, chính xác và trung thực của kết quả thử nghiệm;

b) Áp dụng các biện pháp kiểm soát trong suốt quá trình từ tiếp nhận, bảo quản, xử lý đến phân tích mẫu thử nghiệm nhằm ngăn ngừa nguy cơ nhiễm chéo với các thành phần hoặc sản phẩm không Halal;

c) Sử dụng các phương pháp thử đã được công bố hoặc thừa nhận, phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn Halal mà sản phẩm đó công bố áp dụng.

Điều 10. Nguyên tắc hoạt động chứng nhận Halal

1. Chứng nhận Halal là hoạt động đánh giá sự phù hợp mang tính tự nguyện, được thực hiện theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal.

2. Việc chứng nhận Halal có thể trở thành bắt buộc trong các trường hợp sau:

a) Khi có yêu cầu bắt buộc về chứng nhận Halal từ thị trường nhập khẩu hoặc từ các đối tác thương mại quốc tế;

b) Khi có quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành của Việt Nam yêu cầu một số loại sản phẩm, dịch vụ cụ thể phải được chứng nhận Halal.

3. Hoạt động chứng nhận Halal tại Việt Nam phải được thực hiện bởi các tổ chức chứng nhận trong nước đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều 13 của Nghị định này, hoặc bởi các tổ chức chứng nhận nước ngoài có kết quả chứng nhận được Bộ Khoa học và Công nghệ chấp nhận, thừa nhận theo quy định tại Điều 16 của Nghị định này.

Điều 11. Điều kiện đối với tổ chức chứng nhận Halal

Tổ chức thực hiện hoạt động chứng nhận Halal phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13888 hoặc tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài tương đương về yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận Halal được công nhận.

3. Có ít nhất 02 chuyên gia đánh giá chính thức của tổ chức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn) là người Hồi giáo đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên;

b) Được đào tạo và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo về chuyên gia đánh giá chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng hoặc hệ thống quản lý an toàn thực phẩm hoặc chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm tại cơ sở đào tạo do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố hoặc thừa nhận theo quy định của pháp luật;

c) Được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo về kiến thức yêu cầu Halal theo tiêu chuẩn tương ứng đối với sản phẩm, dịch vụ Halal đăng ký do tổ chức ban hành tiêu chuẩn hoặc tổ chức tôn giáo Hồi giáo được pháp luật Việt Nam công nhận thực hiện;

d) Có kinh nghiệm đánh giá với ít nhất 20 ngày công đánh giá đối với chương trình chứng nhận tương ứng.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận Halal

1. Hồ sơ đề nghị cấp mới gồm các thành phần sau:

a) Bản chính Đơn đăng ký hoạt động chứng nhận theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP;

b) Bản sao có chứng thực Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động đối với mỗi chuyên gia đánh giá; Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ của chuyên gia đánh giá theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này;

c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động chứng nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này: Bản sao có chứng thực chứng chỉ công nhận còn hiệu lực đối với phạm vi đăng ký do tổ chức công nhận quy định tại Điều 21 hoặc Điều 25 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP;

d) Mẫu Giấy chứng nhận Halal và Dấu chứng nhận Halal.

2. Hồ sơ đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi gồm:

a) Bản chính Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động chứng nhận theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP;

b) Bản sao có chứng thực Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động và Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ của chuyên gia đánh giá theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này đối với chuyên gia đánh giá bổ sung;

c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động chứng nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này: Bản sao có chứng thực chứng chỉ công nhận còn hiệu lực đối với phạm vi đăng ký bổ sung do tổ chức công nhận quy định tại Điều 21 hoặc Điều 25 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP;

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại gồm:

a) Bản chính Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP;

b) Bản sao tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại.

4. Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 60 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động chứng nhận, tổ chức chứng nhận phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận Halal

1. Tổ chức chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này đến Bộ Khoa học và Công nghệ qua Cổng dịch vụ công Quốc gia.

2. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận Halal được thực hiện theo quy định đối với tổ chức chứng nhận tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận Halal có hiệu lực 5 năm.

Điều 14. Thu hồi Giấy chứng nhận đã đăng ký của tổ chức chứng nhận Halal

1. Tổ chức chứng nhận Halal bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Bị xử phạt vi phạm hành chính về cùng một hành vi trong lĩnh vực hoạt động chứng nhận Halal từ 02 lần trở lên trong thời hạn 12 tháng;

b) Không thực hiện đầy đủ trách nhiệm tương ứng quy định tại Điều 29 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP trong 02 năm liên tiếp;

c) Không đảm bảo một trong các điều kiện tương ứng đối với tổ chức chứng nhận Halal theo quy định Điều 11 Nghị định này;

d) Giả mạo hoặc khai man các tài liệu trong hồ sơ cấp, cấp lại, cấp bổ sung Giấy chứng nhận; cấp không kết quả chứng nhận;

đ) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký được cấp;

e) Không thực hiện khắc phục các vi phạm theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra;

g) Theo đề nghị của tổ chức chứng nhận;

h) Theo đề nghị bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác khi phát hiện tổ chức chứng nhận có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng liên quan đến hoạt động được cấp phép.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

Điều 15. Dấu chứng nhận Halal

1. Dấu chứng nhận Halal là dấu hiệu được thể hiện trên sản phẩm, hàng hóa, bao bì sản phẩm, tài liệu quảng cáo hoặc các hình thức phù hợp khác để chứng tỏ sản phẩm, dịch vụ đó đã được một Tổ chức chứng nhận Halal đã được cấp Giấy đăng ký hoạt động theo quy định tại Nghị định này đánh giá và cấp giấy chứng nhận phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia về Halal hoặc tiêu chuẩn quốc tế, khu vực được Việt Nam thừa nhận.

2. Dấu chứng nhận Halal phải được thiết kế thống nhất theo mẫu đã đăng ký của Tổ chức chứng nhận Halal và phải đảm bảo có các thông tin cơ bản, rõ ràng, dễ nhận biết sau đây:

- a) Cụm từ “HALAL” được thể hiện bằng ký tự Latinh in hoa;
- b) Tên hoặc logo nhận diện của Tổ chức chứng nhận Halal đã cấp chứng nhận.

3. Trách nhiệm của Tổ chức chứng nhận Halal:

a) Đăng ký mẫu dấu chứng nhận Halal và quy định về việc quản lý, sử dụng dấu của tổ chức mình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi đăng ký hoạt động chứng nhận Halal;

b) Ban hành quy định và hướng dẫn rõ ràng cho các khách hàng được cấp chứng nhận về việc sử dụng dấu chứng nhận Halal;

c) Thực hiện kiểm soát việc sử dụng dấu chứng nhận Halal của các tổ chức, cá nhân đã được mình cấp chứng nhận; có biện pháp xử lý kịp thời đối với các hành vi sử dụng sai quy định.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal:

a) Sử dụng dấu chứng nhận Halal đúng theo quy định tại Điều này và theo hướng dẫn của Tổ chức chứng nhận Halal đã cấp chứng nhận;

b) Chịu trách nhiệm về tính xác thực của việc chứng nhận đối với sản phẩm, dịch vụ mang dấu chứng nhận Halal của mình;

c) Phải dừng ngay lập tức việc sử dụng dấu chứng nhận Halal trên sản phẩm, dịch vụ và các tài liệu liên quan kể từ thời điểm Giấy chứng nhận Halal hết hiệu lực, bị đình chỉ hoặc bị thu hồi.

Điều 16. Thừa nhận kết quả chứng nhận Halal của tổ chức nước ngoài

1. Kết quả chứng nhận Halal, dấu chứng nhận Halal do tổ chức chứng nhận nước ngoài cấp được xem xét, thừa nhận tại Việt Nam đối với các sản phẩm, dịch vụ được sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ tại thị trường Việt Nam khi tổ chức chứng nhận đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Hoạt động trong khuôn khổ Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) đa phương hoặc song phương về Halal mà Việt Nam là thành viên;

b) Được một tổ chức công nhận là thành viên ký Thỏa ước thừa nhận lẫn nhau của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF), Diễn đàn Công nhận Châu Á - Thái Bình Dương (APAC) công nhận về năng lực hoạt động chứng nhận Halal phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17065 hoặc các tiêu chuẩn quốc tế, khu vực tương đương khác;

c) Được một trong các cơ quan có thẩm quyền về Halal có uy tín trên thế giới công nhận hoặc thừa nhận, bao gồm: Cục Phát triển Hồi giáo Malaysia (JAKIM), Cơ quan Tổ chức Đảm bảo sản phẩm Halal Indonesia (BPJPH), Hội đồng Hồi giáo Trung ương Thái Lan (CICOT), Trung tâm Halal Ả Rập Xê-út (Saudi Halal Center) hoặc các cơ quan tương đương khác.

2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, phân phối sản phẩm tại Việt Nam có trách nhiệm cung cấp các bằng chứng chứng minh hoạt động chứng nhận Halal đối với sản phẩm của mình đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này cho cơ quan kiểm tra nhà nước khi có yêu cầu.

3. Việc thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam với các tổ chức, cá nhân nước ngoài được thực hiện thông qua các thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối, chủ trì công bố trên Cổng thông tin điện tử của mình danh sách các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau quy định tại điểm a khoản 1 và hướng dẫn việc tra cứu, xác minh thông tin về các tổ chức được thừa nhận quy định tại điểm b, c Khoản 1 Điều này.

Chương IV

KIỂM TRA VÀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 17. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal để lưu thông trên thị trường Việt Nam

a) Việc tuân thủ các quy định về điều kiện đảm bảo Halal đối với nguyên liệu, quá trình sản xuất, chế biến, bao gói, bảo quản, vận chuyển, trưng bày sản phẩm Halal theo nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ Halal quy định tại Điều 4 của Nghị định này và tiêu chuẩn Halal đã công bố áp dụng;

b) Việc thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn sản phẩm Halal theo quy định tại Điều 6, Điều 8 của Nghị định này;

c) Việc sử dụng Dấu chứng nhận Halal (nếu có);

d) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc kiểm soát chất lượng, nguồn gốc nguyên liệu, quy trình sản xuất và hệ thống quản lý đảm bảo Halal (nếu có);

đ) Việc chấp hành các quy định pháp luật khác có liên quan về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn thực phẩm, đo lường, sở hữu trí tuệ trong quá trình sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal.

2. Kiểm tra tổ chức chứng nhận Halal

a) Việc duy trì các điều kiện hoạt động đã đăng ký theo quy định tại Điều 11 của Nghị định này, bao gồm năng lực pháp lý, nhân lực, hệ thống quản lý;

b) Việc tuân thủ phạm vi hoạt động chứng nhận Halal đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

c) Việc tuân thủ trình tự, thủ tục đánh giá, chứng nhận Halal theo tiêu chuẩn, quy trình đã công bố và các quy định pháp luật liên quan, đảm bảo tính khách quan, độc lập và tuân thủ các nguyên tắc Halal;

d) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động chứng nhận Halal (hồ sơ khách hàng, báo cáo thử nghiệm, hồ sơ đánh giá, quyết định chứng nhận, hồ sơ giám sát...);

đ) Việc quản lý và sử dụng dấu chứng nhận Halal (đối với tổ chức chứng nhận);

e) Việc thực hiện chế độ báo cáo và tuân thủ các quy định pháp luật khác về hoạt động đánh giá sự phù hợp.

Điều 18. Trình tự, thủ tục kiểm tra tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal

Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

Điều 19. Trình tự, thủ tục kiểm tra tổ chức thử nghiệm sản phẩm Halal, tổ chức chứng nhận Halal

Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với tổ chức thử nghiệm Halal, tổ chức chứng nhận Halal được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

Điều 20. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Halal

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định trong Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan đến sản xuất, kinh doanh, thử nghiệm, chứng nhận sản phẩm, dịch vụ Halal thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực Halal được thực hiện theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và các Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan như: tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa; an toàn thực phẩm; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm; quảng cáo; và các lĩnh vực khác có liên quan.

Chương V

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ HALAL

Điều 21. Chính sách về hợp tác quốc tế

1. Chủ động đàm phán, ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) và các thỏa thuận quốc tế phù hợp khác về Halal, nhất là với các quốc gia Hồi giáo và đối tác quan trọng, nhằm hài hòa tiêu chuẩn, thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp và tạo thuận lợi thương mại.

2. Chủ động, tích cực tham gia với tư cách thành viên chính thức tại Viện Tiêu chuẩn và Đo lường cho các quốc gia Hồi giáo (SMIIC) và các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực về tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp Halal nhằm nắm bắt thông tin, xu hướng và góp phần xây dựng các chuẩn mực chung, tạo thuận lợi cho việc hài hòa tiêu chuẩn và công nhận lẫn nhau.

3. Hỗ trợ các tổ chức chứng nhận Halal của Việt Nam nâng cao năng lực, đạt công nhận/thừa nhận quốc tế, và được các nước, vùng lãnh thổ, đặc biệt là thị trường xuất khẩu mục tiêu, chấp nhận kết quả chứng nhận.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách quy định tại Điều này.

Điều 22. Chính sách về xúc tiến thương mại, phát triển thị trường

1. Ưu tiên lồng ghép và hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, nghiên cứu, phát triển thị trường cho sản phẩm, dịch vụ Halal trong Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và các chương trình phát triển thị trường liên quan khác, trong đó hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp tham dự các hội chợ, triển lãm, diễn đàn, sự kiện kết nối giao thương chuyên ngành Halal uy tín tại nước ngoài

2. Khuyến khích và tạo điều kiện cho doanh nghiệp có sản phẩm, dịch vụ Halal đạt chất lượng và uy tín tham gia Chương trình thương hiệu quốc gia Việt Nam, đồng thời gắn kết quảng bá sản phẩm Halal đạt Thương hiệu quốc gia ra thị trường thế giới.

3. Khuyến khích hỗ trợ các hoạt động xúc tiến du lịch Halal, ưu tiên đưa Việt Nam trở thành điểm đến thân thiện với người Hồi giáo. Trong đó ưu tiên hỗ trợ chi phí cho quảng bá du lịch Halal, cho doanh nghiệp tham hoạt động phát triển thị trường du lịch Halal thông qua việc tham dự hội chợ, triển lãm, sự kiện.

4. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và hiệp hội liên quan xây dựng, triển khai các hoạt động cụ thể để thực hiện chính sách tại Điều này.

Điều 23. Chính sách về hỗ trợ nguồn lực

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng hệ thống quản lý đảm bảo Halal, chi phí đào tạo và nâng cao năng lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện thông

qua Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng theo quy định pháp luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trong đó sản phẩm Halal định hướng xuất khẩu được xác định là lĩnh vực ưu tiên.

2. Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm Halal xuất khẩu được ưu tiên xem xét, hỗ trợ một lần chi phí thử nghiệm và chứng nhận theo cơ chế hỗ trợ đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực theo quy định pháp luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Khuyến khích và hỗ trợ cho các doanh nghiệp có sản phẩm Halal uy tín tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định pháp luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Các doanh nghiệp Halal đạt giải sẽ được ưu tiên tham gia các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

4. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin thị trường, pháp lý và kỹ thuật thông qua Cơ sở dữ liệu Halal quốc gia được xây dựng như một hợp phần chuyên biệt, tích hợp và kết nối đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

5. Khuyến khích các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tích hợp, đưa các nội dung đào tạo về khoa học và công nghệ liên quan đến Halal, hệ thống quản lý Halal, tiêu chuẩn và đánh giá sự phù hợp liên quan đến Halal, văn hóa – du lịch Halal, nghiệp vụ du lịch phục vụ khách Halal, kiến thức cơ bản về yêu cầu Halal.

Khuyến khích mô hình liên kết ba bên giữa cơ sở giáo dục, tổ chức sản xuất và tổ chức chứng nhận Halal trong việc xây dựng chương trình, phối hợp đào tạo, hướng dẫn và tiếp nhận sinh viên thực tập, nhằm đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu thực tiễn của ngành.

6. Thực hiện các hoạt động truyền thông, phổ biến kiến thức để nâng cao nhận thức chung của xã hội và cộng đồng doanh nghiệp về Halal và tiềm năng phát triển kinh tế Halal.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sản phẩm, dịch vụ Halal

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước thống nhất về tiêu chuẩn, chất lượng và hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, dịch vụ Halal trên phạm vi cả nước.

a) Chủ trì xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia về Halal; hướng dẫn xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở về Halal;

b) Quản lý nhà nước đối với hoạt động của tổ chức thử nghiệm Halal, tổ chức chứng nhận Halal;

c) Chủ trì xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu Halal quốc gia, tích hợp vào

Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

d) Đầu mối hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp trong lĩnh vực Halal; chủ trì đàm phán, ký kết các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) về kết quả đánh giá sự phù hợp Halal thuộc phạm vi quản lý;

đ) Chủ trì tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng và đánh giá sự phù hợp trong lĩnh vực Halal.

2. Bộ Ngoại giao

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về Halal;

b) Chỉ đạo các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hỗ trợ quảng bá sản phẩm, dịch vụ Halal, năng lực của các tổ chức chứng nhận Halal Việt Nam và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp Việt Nam liên quan đến Halal tại nước ngoài.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo đảm các yêu cầu Halal trong quá trình sản xuất ban đầu (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản), giết mổ động vật Halal, sơ chế, bảo quản, vận chuyển đối với các sản phẩm, dịch vụ thuộc phạm vi được phân công quản lý;

b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng tiêu chuẩn quốc gia liên quan đến sản phẩm, dịch vụ Halal thuộc lĩnh vực quản lý;

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các yêu cầu Halal và các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm, môi trường, bảo vệ nguồn tài nguyên trong phạm vi được phân công;

d) Hướng dẫn, hỗ trợ các hộ kinh doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp áp dụng các thực hành Halal tốt; thúc đẩy phát triển sản phẩm nông nghiệp sạch, bền vững đáp ứng yêu cầu Halal và yêu cầu bảo vệ môi trường

4. Bộ Công Thương

a) Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo đảm các yêu cầu Halal đối với các sản phẩm, dịch vụ thuộc phạm vi được phân công quản lý;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện các chính sách xúc tiến thương mại, phát triển thị trường cho sản phẩm, dịch vụ Halal; quản lý Chương trình Thương hiệu quốc gia liên quan đến Halal;

c) Chủ trì đàm phán nội dung liên quan đến Halal trong các hiệp định thương mại, thỏa thuận về tiếp cận thị trường;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, kiểm soát sản phẩm Halal lưu thông trên thị trường trong nước và trong nhập khẩu, chống Sản xuất và buôn bán hàng giả, gian lận thương mại liên quan đến nhãn hiệu và dấu chứng nhận Halal;

đ) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng tiêu chuẩn quốc gia

liên quan đến sản phẩm, dịch vụ Halal thuộc lĩnh vực quản lý.

5. Bộ Y tế

a) Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo đảm các yêu cầu Halal đối với sản phẩm, dịch vụ thuộc phạm vi được phân công quản lý;

b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng tiêu chuẩn quốc gia liên quan đến sản phẩm, dịch vụ Halal thuộc lĩnh vực quản lý;

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các yêu cầu Halal trong phạm vi được phân công.

6. Bộ Xây dựng

a) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia hoặc hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn liên quan đến phương tiện, thiết bị, hạ tầng kho bãi, quy trình dịch vụ vận tải và logistics Halal.

b) Phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn về Halal đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ vận tải, logistics thuộc phạm vi quản lý.

7. Bộ Tài chính

a) Bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động quản lý nhà nước, phát triển lĩnh vực Halal theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành lồng ghép mục tiêu, định hướng phát triển ngành Halal vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và các vùng;

c) Xây dựng và thực hiện chính sách thu hút đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chế biến sản phẩm Halal và phát triển dịch vụ Halal.

8. Bộ Dân tộc và Tôn giáo

a) Thực hiện quản lý hoạt động tôn giáo liên quan đến các tổ chức chứng nhận sản phẩm, dịch vụ Halal; phối hợp quản lý hoạt động của các chức sắc, chức việc, tín đồ Hồi giáo tham gia công tác sản xuất, chứng nhận sản phẩm, dịch vụ Halal;

b) Phối hợp cung cấp thông tin về các khía cạnh văn hóa, tín ngưỡng liên quan khi được yêu cầu trong quá trình xây dựng chính sách, tiêu chuẩn về Halal.; tham gia ý kiến vào quá trình đánh giá sự phù hợp, kiểm tra nếu có yếu tố liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo Hồi giáo.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan và các tổ chức Hồi giáo tại Việt Nam trong việc phổ biến các nguyên tắc Halal, nâng cao nhận thức cộng đồng và hỗ trợ các hoạt động liên quan phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy định pháp luật.

9. Bộ Nội vụ

Phối hợp xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, phát triển nguồn nhân lực của các Bộ, ngành thực hiện nhiệm vụ quản lý

nhà nước, thanh tra, kiểm tra, phổ biến kiến thức liên quan đến sản phẩm, dịch vụ Halal.

10. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan xây dựng và triển khai chính sách phát triển du lịch Halal. Chủ trì xây dựng Chiến lược phát triển du lịch Halal;

b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xây dựng, thẩm định, công bố Tiêu chuẩn quốc gia về dịch vụ du lịch Halal;

c) Quản lý chất lượng và điều kiện bảo đảm Halal đối với các dịch vụ du lịch theo tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc tiêu chuẩn quốc gia tương ứng;

d) Tổ chức các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Halal của Việt Nam ra thị trường quốc tế, xây dựng hình ảnh Việt Nam là điểm đến thân thiện với người Hồi giáo.

11. Bộ Quốc phòng

a) Tham gia góp ý trong quá trình xây dựng, rà soát các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Halal có liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ do các đơn vị, doanh nghiệp quốc phòng sản xuất, cung ứng cho mục đích xuất khẩu hoặc dân sinh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát việc thực hiện các quy định của Nghị định này tại các đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý khi có tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ Halal;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết việc áp dụng các quy định của Nghị định này đối với các sản phẩm, dịch vụ Halal đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng.

12. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng và đưa vào giảng dạy các chương trình, học phần về khoa học công nghệ, hệ thống quản lý và văn hóa Halal.

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

1. Tổ chức triển khai, phổ biến và giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, tiêu chuẩn quốc gia về Halal của Trung ương trên địa bàn tỉnh.

2. Chỉ đạo các Sở, ban, ngành chức năng của tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về Halal theo chức năng, nhiệm vụ được phân công và phân cấp, đảm bảo sự phối hợp đồng bộ.

3. Tổ chức hoặc chỉ đạo tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về Halal đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn; xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

4. Lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển ngành Halal vào quy hoạch,

kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của địa phương.

5. Hỗ trợ, tuyên truyền chính sách xúc tiến thương mại

a) Phổ biến, thông tin rộng rãi đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn về các chính sách, chương trình xúc tiến thương mại, phát triển thị trường Halal của quốc gia và các cơ hội thị trường;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại Halal cấp tỉnh hoặc lồng ghép nội dung hỗ trợ xúc tiến thương mại Halal vào các chương trình xúc tiến thương mại chung của địa phương, phù hợp với tiềm năng và định hướng phát triển của tỉnh. Các hoạt động có thể bao gồm: hỗ trợ doanh nghiệp địa phương tham gia hội chợ Halal trong và ngoài nước, tổ chức các sự kiện kết nối cung cầu Halal tại địa phương, xây dựng ấn phẩm quảng bá sản phẩm Halal thế mạnh của tỉnh;

c) Chỉ đạo các cơ quan xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch của tỉnh tích cực giới thiệu, quảng bá tiềm năng, sản phẩm, dịch vụ Halal của địa phương đến các nhà đầu tư, nhà nhập khẩu, khách du lịch tiềm năng.

6. Có cơ chế khuyến khích, thu hút đầu tư

a) Rà soát, công bố và giới thiệu các dự án, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư liên quan đến sản xuất, chế biến sản phẩm Halal, phát triển dịch vụ Halal phù hợp với quy hoạch và lợi thế của địa phương;

b) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư đặc thù của địa phương như ưu đãi về tiền thuê đất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào dự án, hỗ trợ đào tạo lao động... cho các dự án đầu tư vào lĩnh vực Halal;

c) Cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong lĩnh vực Halal;

d) Chủ động tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư chuyên đề về Halal để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước có tiềm lực, công nghệ và kinh nghiệm.

7. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật và kiến thức cơ bản về Halal cho các hộ kinh doanh, hợp tác xã và người dân trên địa bàn;

b) Rà soát, nắm bắt thông tin về các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm Halal trên địa bàn quản lý;

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng cấp trên trong hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về Halal tại địa phương;

d) Tiếp nhận, xử lý theo thẩm quyền hoặc kịp thời báo cáo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về Halal được phát hiện trên địa bàn.

Điều 26. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản phẩm, dịch vụ Halal

1. Các tổ chức thử nghiệm, chứng nhận sản phẩm, dịch vụ Halal

a) Thực hiện trách nhiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp quy định tại Điều 29 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

b) Thiết lập và duy trì hệ thống lưu trữ hồ sơ đầy đủ đối với các hoạt động thử nghiệm, chứng nhận Halal để phục vụ việc truy xuất nguồn gốc, kiểm tra, giám sát khi cần thiết;

c) Cung cấp thông tin, báo cáo trung thực, đầy đủ về hoạt động của mình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chấp hành các quyết định thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm (nếu có).

2. Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hộ nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác

a) Đảm bảo sản phẩm, dịch vụ của mình đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về Halal quy định và tiêu chuẩn Halal đã công bố áp dụng trong suốt quá trình từ lựa chọn nguyên liệu, sản xuất, chế biến, cung cấp dịch vụ đến bảo quản, vận chuyển và phân phối;

b) Thực hiện việc công bố tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn hàng hóa Halal theo đúng quy định, đảm bảo thông tin cung cấp cho người tiêu dùng và cơ quan quản lý là chính xác, đầy đủ, không gây nhầm lẫn về bản chất Halal của sản phẩm, dịch vụ;

c) Chỉ sử dụng Dấu chứng nhận Halal Việt Nam hoặc dấu chứng nhận Halal nước ngoài khi đã được cấp giấy chứng nhận hợp lệ và tuân thủ đúng quy định về việc sử dụng dấu;

d) Ngoài việc tuân thủ yêu cầu Halal, phải đảm bảo sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các quy định pháp luật khác về chất lượng;

đ) Lưu giữ hồ sơ cần thiết để chứng minh sự tuân thủ các yêu cầu Halal và đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, nguyên liệu trong phạm vi quản lý của mình.

Điều 27. Quy định chuyển tiếp

1. Sản phẩm, hàng hóa Halal đã được nhập khẩu, sản xuất hoặc lưu thông trên thị trường trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được tiếp tục lưu hành cho đến khi hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hàng hóa.

2. Tổ chức chứng nhận Halal đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực phải hoàn thành việc đăng ký lại để đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 11 của Nghị định này trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn được viện dẫn trong Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì việc thực hiện được

áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn mới.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG